

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 421 /KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 01 năm 2018

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 197
Ngày: 21/1/18
ĐẾN
Chuyên:

KẾ HOẠCH

**Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh
giai đoạn 2018 - 2020 tỉnh Đắk Lắk.**

Trong những năm qua, công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ở tỉnh Đắk Lắk đã có những chuyển biến đáng kể; các địa phương, đơn vị trong tỉnh đã chuyển dần từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội bền vững; Trong đó, công tác lập kế hoạch phòng, chống thiên tai giữ vai trò rất quan trọng sẽ góp phần chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó kịp thời, hiệu quả; giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh trong những năm tới.

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai; Quyết định số 1061/QĐ-TTg ngày 01/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về việc thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 1857/QĐ-BTNMT ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt và công bố kết quả phân vùng bão và xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão cho khu vực ven biển Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.

Căn cứ đặc điểm địa hình, phân bố dân cư, cơ sở hạ tầng và tình hình thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh.

Phần I

**ĐẶC ĐIỂM CHUNG, THÔNG TIN CƠ SỞ HẠ TẦNG
PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI CHỦ YẾU**

**I. ĐẶC ĐIỂM DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG
CỦA TỈNH ĐẮK LẮK**

1. Điều kiện tự nhiên

1.1 Vị trí địa lý:

Tỉnh Đắk Lắk nằm ở khu vực trung tâm của vùng Tây Nguyên có tọa độ địa lý như sau:

- Từ 12°14'22" đến 13°29'02" vĩ độ Bắc.
- Từ 107°29'06" đến 108°59'55" kinh độ Đông.

Ranh giới hành chính:

- Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai và Phú Yên.
- Phía Nam giáp tỉnh Đắk Nông và Lâm Đồng.
- Phía Đông giáp tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa.
- Phía Tây giáp tỉnh Đắk Nông và Vương quốc Campuchia.

Diện tích tự nhiên là 13.125,37 km², dân số hơn 1,83 triệu người gồm 47 dân tộc sinh sống. Tỉnh Đắk Lắk có 15 đơn vị hành chính gồm các huyện: Ea H'leo, Ea Súp, Krông Năng, Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar, M'Drắk, Buôn Đôn, Cư M'gar, Krông Ana, Krông Bông, Lắk, Cư Kuin, thị xã Buôn Hồ và thành phố Buôn Ma Thuột.

1.2 Đặc điểm về địa hình:

Tỉnh Đắk Lắk có cao độ địa hình dao động từ 400 m ÷ 800 m so với mặt nước biển. Hướng dốc chính thấp dần từ Đông Nam sang Tây Bắc với 4 dạng địa hình chính: Địa hình vùng núi; địa hình cao nguyên Buôn Ma Thuột - M'Drắk; địa hình bán bình nguyên Buôn Đôn - Ea Súp và địa hình vùng bằng trũng Krông Pắc - Lắk.

1.3 Đặc điểm khí hậu:

Khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên, có nền nhiệt độ hạ thấp do địa hình, là khí hậu Tây Trường Sơn, riêng khu vực phía Đông tỉnh (huyện M'Drắk) chịu ảnh hưởng một phần của khí hậu Đông Trường Sơn. Khí hậu của tỉnh Đắk Lắk chia làm 2 mùa khá rõ rệt, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, trong thời kỳ này gió Tây Nam thịnh hành, lượng mưa tập trung chủ yếu vào các tháng 6, 7, 8, 9. Tổng lượng mưa trong mùa mưa chiếm khoảng 85% (Riêng vùng phía Đông của tỉnh do chịu ảnh hưởng một phần của khí hậu Đông Trường Sơn, mùa mưa bắt đầu và kết thúc muộn hơn khoảng 1 tháng so với các vùng khác). Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, trong thời gian này ít mưa, độ ẩm thấp, gió Đông Bắc thịnh hành, bốc hơi lớn, thường xảy ra khô hạn.

- Chế độ nhiệt: Nhiệt độ trong năm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk khá đồng đều, chênh lệch nhiệt độ giữa các tháng trong năm không cao. Nhiệt độ trung bình năm tại Buôn Ma Thuột là 23,7°C.

- Số giờ nắng: Đắk Lắk là tỉnh có số giờ nắng khá cao; trung bình hàng năm có số giờ nắng từ: 2.200 ÷ 2.500 giờ/năm. Tháng có số giờ nắng nhiều nhất thường rơi vào cuối mùa khô (tháng 3), đạt tới 260 ÷ 280 giờ/tháng (9 giờ/ngày). Tháng có số giờ nắng ít nhất thường rơi vào tháng giữa mùa mưa và chỉ đạt khoảng 100 - 150 giờ/tháng (4 giờ/ngày).

- Bốc hơi: Lượng bốc hơi tiềm năng trong năm dao động từ 1000 đến 1500mm/năm, cụ thể Buôn Ma Thuột có lượng bốc hơi là: 1.417 mm/năm, trong khi đó ở Buôn Hồ là: 1.048 mm/năm và ở M'Drắk là 1.244 mm/năm. Lượng bốc hơi lớn nhất xảy ra vào các tháng mùa khô.

- Chế độ ẩm: Độ ẩm trung bình năm dao động từ: 80 - 85%. Quy luật biến đổi của độ ẩm tương đối phản ánh sự tương phản rõ nét của 2 mùa: mùa mưa và khô, mùa mưa độ ẩm cao, mùa khô độ ẩm thấp.

- Chế độ mưa: Lượng mưa bình quân năm dao động từ 1.500 - 2.000 mm. Trong đó vùng có lượng mưa lớn nhất tập trung ở khu vực phía Đông và phía Đông Nam tỉnh lượng mưa xấp xỉ: 2.000 mm, vùng có lượng mưa thấp nhất là khu vực phía Đông bắc và Tây Bắc tỉnh (1.500 - 1.700 mm).

- Gió, bão: Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói riêng và vùng Tây Nguyên nói chung trong năm có hai hướng gió thịnh hành: Mùa khô gió Đông Bắc, mùa mưa gió Tây Nam. Do nằm sâu trong lục địa nên ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió bão.

1.4 Đặc điểm sông ngòi:

Tỉnh Đắk Lắk có hai hệ thống sông chính là sông Sêrêpôk và sông Ba. Hệ thống sông Sêrêpôk có diện tích lưu vực chiếm trên 2/3 diện tích tự nhiên của tỉnh bao gồm lưu vực của dòng chính Sêrêpôk và lưu vực của sông Ea H'leo. Dòng chính sông Ba không chảy qua tỉnh Đắk Lắk, chỉ có 2 nhánh ở thượng nguồn chảy qua phía Đông và Đông Bắc của tỉnh là Krông H'Năng và nhánh sông Hinh.

2. Hiện trạng Kinh tế - Xã hội tỉnh

2.1 Các chỉ tiêu kinh tế:

(1) Năm 2017, tổng sản phẩm xã hội (GRDP - theo giá so sánh 2010) ước thực hiện khoảng 47.761 tỷ đồng, đạt 99,69% KH, tăng trưởng kinh tế đạt 7,52% (KH: 47.910 tỷ đồng, tăng trưởng kinh tế 7,5%-8% so với năm 2016). Trong đó:

- Ngành nông, lâm và thủy sản ước đạt 19.468 tỷ đồng, bằng 98,92% KH, tăng 4,25% so với thực hiện năm 2016 (KH: 19.680 tỷ đồng, tăng 4 - 4,5%).

- Ngành công nghiệp - xây dựng ước đạt 7.998 tỷ đồng, đạt 106,43% KH, tăng 10,06% so với thực hiện năm 2016 (KH: 7.515 tỷ đồng, tăng 9,5-10%).

- Ngành dịch vụ ước đạt 19.240 tỷ đồng, đạt 99,28% KH, tăng 9,97% so với thực hiện 2016 (KH: 19.380 tỷ đồng, tăng 9,5-10%).

- Riêng thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) ước đạt 1.055 tỷ đồng, bằng 79,03% KH, tăng 7,22% so với thực hiện năm 2016 (KH: 1.335 tỷ đồng, tăng 12,5 - 13%).

* Cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành): Nông, lâm, thủy sản ước đạt 42,51% (KH: 45-46%); công nghiệp, xây dựng ước đạt 16,01% (KH: 15-16%); dịch vụ ước đạt 39,29% (KH: 37-38%); thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) ước đạt 2,19% (KH: 2-2,5%).

(2) GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt 38,46 triệu đồng (KH: 38-38,5 triệu đồng).

(3) Huy động vốn đầu tư toàn xã hội ước khoảng 22.729 tỷ đồng, đạt 100,22% KH (KH: 22.680 tỷ đồng), tăng 33,63% so với thực hiện năm 2016.

(4) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn thực hiện 65.083 tỷ đồng, đạt 110,69% KH, tăng 12,42% so với thực hiện năm 2016 (KH: 58.800 tỷ đồng).

(5) Tổng kim ngạch xuất khẩu thực hiện 575 triệu USD, đạt 100,9% KH, tăng 4,55% so với thực hiện 2016 (KH: 570 triệu USD, tăng 3,6%). Tổng kim ngạch nhập

khẩu đạt 38 triệu USD, đạt 316,7% KH, tăng 95,9% so với thực hiện năm 2016 (KH: 12 triệu USD).

(6) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn khoảng 5.145,506 tỷ đồng, đạt 114,3% so với dự toán HĐND tỉnh giao, đạt 127,8% dự toán TW giao, tăng 21,9% so với thực hiện năm 2016 (KH: 4.500 tỷ đồng, tăng 9,8% so với dự toán HĐND tỉnh giao).

(7) Phát triển hạ tầng: Thủy lợi đảm bảo tưới chủ động cho trên 77,2% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; cải tạo, nâng cấp, nhựa hóa hoặc bê tông hóa 95,17% các tuyến đường tỉnh, 84% các tuyến đường huyện, 44% các tuyến đường xã và liên xã; 97,2% thôn buôn có điện, trong đó 98% số hộ được dùng điện (KH lần lượt là 77,2% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; cải tạo, nâng cấp, nhựa hóa hoặc bê tông hóa 97,5% các tuyến đường tỉnh, 85% các tuyến đường huyện, 47% các tuyến đường xã và liên xã; 97% thôn buôn có điện, trong đó 98% số hộ được dùng điện).

- Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ: Năm 2017, toàn tỉnh có 6.889 doanh nghiệp hoạt động, đạt 96,3% KH, tăng 10,47% so với năm 2016.

2.2 Các chỉ tiêu xã hội:

(8) Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo/năm: Tỷ lệ hộ nghèo giảm 2,59% so với năm 2016, đạt KH (KH: giảm 2,5-3%). Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 4,19% so với năm 2016, đạt KH (KH: giảm 04%).

(9) Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 39%, tăng 3,91% so với thực hiện năm 2016, đạt KH (KH 39%); duy trì tỷ lệ 100% thôn, buôn có trường hoặc lớp mẫu giáo (tính cả thôn, buôn học ghép lớp).

(10) Có khoảng 27.870 lao động được giải quyết việc làm trong năm, đạt 101,35% KH (KH: 27.500 lao động). Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động chiếm 54%, đạt KH (KH: 54%), trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ là 17,58%, đạt KH (KH: 17,58%). Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng 2,7% giảm 0,15% so với thực hiện năm 2016 (KH: 2,7%).

(11) Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020 ước đạt 95,1% KH (KH: 95,1%); tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống 20%, đạt KH (KH: 20%); số giường bệnh trên 1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 23,1 giường/1 vạn dân, đạt 100% KH; tỷ lệ bao phủ BHYT ước đạt 81,6% KH (KH: 81,6%);

(12) Mức giảm tỷ suất sinh khoảng 0,3⁰/₀₀, đạt KH. Tỷ lệ dân số tự nhiên 1,13% (tương đương 11,3⁰/₀₀), đạt KH. Dân số trung bình ước đạt 1.896.000 người.

(13) Tỷ lệ xã phấn đấu đạt tiêu chuẩn nông thôn mới 20%, tương ứng 30/152 xã, đạt KH (KH 2017: 20%).

2.3 Các chỉ tiêu môi trường

(14) Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ đạt 93,3%, đạt KH (KH 93,3%). Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 11,1% (KH 20%). Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom đạt 82%, đạt KH (KH 82%).

(15) Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su) đạt 39,3%, thấp hơn KH (KH 39,6%), bằng so với thực hiện năm 2016.

(16) Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 88,5%, tăng 1,5% so với thực hiện năm 2016, đạt KH (KH 88,5% tăng 1,5%).

(17) Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 78%, tăng 3% so với thực hiện năm 2016 (KH 78%, tăng 3%).

2.4 Chỉ tiêu an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội (số liệu năm do Ngành Công an theo dõi tính từ tháng 11/2016 đến tháng 11/2017):

(18) Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh. Tuyển chọn công dân nhập ngũ đạt 100%. Diễn tập tác chiến khu vực phòng thủ huyện theo cơ chế Nghị quyết 28-NQ/TW của Bộ Chính trị đảm bảo kế hoạch và chất lượng. Triển khai Đề án đảm bảo quốc phòng giai đoạn 2016-2020, định hướng 2030. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, toàn diện, chủ động nắm chắc tình hình và xử lý tốt các tình huống, không để bị động, bất ngờ; kiểm giảm phạm pháp hình sự; tỷ lệ xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm đạt 93,3% (KH: 90%); tỷ lệ điều tra, khám phá án hình sự đạt 86,7% (KH: 85%), trong đó, án nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt 94,8% (KH: trên 90%). Đảm bảo an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, tỷ lệ tai nạn giao thông so với năm 2016 tăng về số vụ 30 vụ/6,5% và số người chết 27 người/11,2%, nhưng giảm số người bị thương 15 người/3,5% (KH giảm cả 3 mặt 5-10%).

II. CƠ SỞ HẠ TẦNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI CHỦ YẾU

1. Hệ thống thủy lợi:

Đến tháng 12/2017, toàn tỉnh có 771 công trình thủy lợi. Trong đó có 600 hồ chứa nước, với tổng dung tích chứa khoảng 650 triệu m³ nước; 117 đập dâng và 54 trạm bơm, với tổng diện tích cây trồng được tưới là 245,44 nghìn ha. Trong đó tưới trực tiếp từ công trình thủy lợi 137,916 nghìn ha (tưới lúa Đông Xuân 30,546 nghìn ha, tưới lúa Mùa 50,446 nghìn ha, tưới cà phê 54,123 nghìn ha, tưới hoa màu và cây khác 2,8 nghìn ha); tạo nguồn hỗ trợ và các hình thức công trình khác khai thác nước tưới từ các nguồn nước mặt sông suối, ao và nước ngầm tưới cho 107,524 nghìn ha cây trồng (tưới lúa Đông Xuân 1,6 nghìn ha, tưới lúa Mùa 1,8 nghìn ha, tưới cà phê 87,6 nghìn ha, tưới hoa màu và cây khác 19,5 nghìn ha). Tỷ lệ diện tích cây trồng được tưới tăng từ 52% năm 2005 lên 77,2% năm 2017.

Đắk Lắk là tỉnh có nhiều hồ chứa, nhiều hệ thống liên hồ. Các hồ chứa được xây dựng trong nhiều thời kỳ, rất nhiều hồ chứa đã xuống cấp, hư hỏng chưa được đầu tư nâng cấp sửa chữa. Qua kiểm tra trước mùa mưa lũ năm 2017, toàn tỉnh có 63 hồ chứa bị hư hỏng xuống cấp, trong đó có một số công trình bị hư hỏng nặng không đảm bảo an toàn.

Toàn tỉnh có 2.032 km kênh mương các loại, đã kiên cố hóa được 1.109 km còn lại là kênh đất. Hàng năm lũ lụt gây sạt lở, bồi lấp kênh mương, ảnh hưởng đến sản xuất của nhân dân.

2. Hệ thống thủy điện:

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 24 nhà máy thủy điện, với tổng công suất là 958,01 MW đã hoàn thành và đi vào hoạt động. Trong đó, 09 nhà máy đầu nối vào lưới điện 110 kV và 220 kV bao gồm các nhà máy thủy điện: Buôn Tua Srah, Buôn Kuốp, Sêrêpók 3, Sêrêpók 4, Sêrêpók 4A, Krông H' năng, Krông Nô 2, Krông Nô 3 và Hòa Phú với tổng công suất 871 MW. Các nhà máy thủy điện còn lại đầu nối vào lưới điện 22 kV và 35 kV. Các hồ chứa thủy điện tích nước đa mục tiêu: Phát

điện, cấp nước trong mùa khô, cắt lũ cho khu vực hạ du hồ trong mùa mưa, phục vụ phát triển dân sinh, kinh tế vv... Các hồ chứa thủy điện lớn trên địa bàn gồm có: Buôn Tua Srah, Buôn Kuốp, Sêrêpôk 3, Sêrêpôk 4, Krông H' năng vv...

3. Hệ thống giao thông:

Hiện nay toàn Tỉnh có 10.858,86 km đường bộ, trong đó: Quốc lộ được Bộ Giao thông Vận tải ủy thác quản lý là 359,37 km gồm: Quốc lộ 14C, Quốc lộ 27, Quốc lộ 29 và có 62 cầu trên 3 đường Quốc lộ với chiều dài 2.237,58 m; 11 tuyến Tỉnh lộ với chiều dài 352,3 Km, quy mô các tuyến đường Tỉnh thuộc cấp IV miền núi 02 làn xe, tỷ lệ nhựa hóa đạt 95,17%, trên các tuyến đường tỉnh có 71 cầu với chiều dài 1.503,3 m; đường liên huyện Ea H'leo - Ea Súp có chiều dài 46 km; đường đô thị có 751 km, tập trung tại thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và các thị trấn huyện; tuyến đường huyện có chiều dài 1.343,82 km, thường là đường cấp IV, cấp V miền núi, tỷ lệ nhựa hóa đạt 84%, trong đó có 67 cầu với chiều dài 937,8 m. Các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ phổ biến không bị ngập trong mùa lũ mà chủ yếu bị sạt lở đất, đá hai bên đường, sụt lún nền đường do mưa, gây ách tắc giao thông và khó khăn trong công tác sơ tán, cứu nạn, cứu trợ khi có bão, lũ lụt xảy ra.

4. Hệ thống Y tế:

Trong những năm qua, ngành Y tế tỉnh Đắk Lắk tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ở tất cả các tuyến trong lĩnh vực phòng bệnh, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng. Hệ thống y tế được thống nhất quản lý trực tiếp trên 3 tuyến từ cơ sở đến tỉnh. Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020 là 95,1% (KH: 95,1%). Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) 20% (KH: 20%). Số giường bệnh (không tính giường trạm y tế xã) đạt 23,1 giường/1 vạn dân, đạt 100% KH. Trong công tác phòng chống thiên tai, ngành Y tế luôn chủ động kế hoạch dự trữ thuốc men, hóa chất, vật tư y tế và phương tiện theo sự phân công của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh. Đã xử lý cấp cứu, điều trị kịp thời các trường hợp ốm đau, tai nạn do mưa lũ, bão, đồng thời chặn đứng dịch bệnh, không để xảy ra dịch lớn sau lũ.

5. Hệ thống thông tin liên lạc: Hệ thống bưu chính viễn thông của tỉnh đã phát triển mạnh mẽ, hiện nay có 184/184 xã, phường, thị trấn có điện thoại, đạt tỷ lệ 100%; mạng di động đã phủ sóng 15/15 huyện, thị xã, thành phố. Tốc độ phát triển máy điện thoại hàng năm tăng nhanh. Năm 2017, đạt mật độ 95 thuê bao điện thoại và 15 thuê bao Internet/100 dân. Hệ thống thông tin liên lạc chủ yếu thông qua các Đài Phát thanh và truyền hình, các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống điện thoại cố định, hệ thống điện thoại di động của các nhà mạng (Mobifone, Vinaphone, Viettel), các đơn vị này chịu trách nhiệm đưa tin kịp thời tình hình diễn biến của thiên tai, lụt, bão và chỉ đạo của cấp trên để chính quyền các cấp và nhân dân chủ động phòng tránh.

6. Hệ thống Đài trạm Khí tượng - Thủy Văn:

Trên địa bàn tỉnh mạng điều tra cơ bản của Trung ương có 06 trạm khí tượng, 03 trạm thủy văn, 04 điểm đo mưa nhân dân. Ngoài ra mạng đo mưa tự động dùng riêng của tỉnh phục vụ công tác dự báo, thông báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng có 25 trạm (Chi tiết các trạm quan trắc khí tượng và trạm đo mưa xem tại Phụ lục 1).

Tuy nhiên, do địa hình chia cắt phức tạp và đa dạng nên mạng lưới trạm khí tượng thủy văn như hiện nay còn khá thưa thớt so với yêu cầu, đặc biệt rất thiếu các trạm quan trắc mực nước tại vị trí đầu nguồn các sông chính nên chưa đảm bảo thông tin phục vụ cho công tác nghiên cứu dự báo và phòng, chống thiên tai của tỉnh. Bởi vậy, công tác dự báo, cảnh báo lũ cũng như nguy cơ ngập lụt vùng hạ lưu còn gặp nhiều khó khăn.

7. Hệ thống điện lưới

Mạng lưới cung cấp điện của tỉnh ngày càng được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, đảm bảo cung cấp điện ổn định cho sản xuất và sinh hoạt.

Mạng lưới truyền tải điện trên địa bàn tỉnh gồm: Lưới truyền tải 500 kV gồm 03 tuyến đường dây 500 kV với chiều dài 397,7 km; lưới truyền tải 220 kV gồm 09 tuyến đường dây 220 kV với chiều dài 466,42 km; lưới điện 110 kV trên địa bàn tỉnh được nhận từ 03 nguồn gồm trạm biến áp 220 kV Krông Búk, trạm 220 kV Buôn Kuốp và nhà máy thủy điện Krông H' năng với tổng chiều dài 299,51 km; Hệ thống lưới điện trung thế ở các cấp điện áp 35 kV với tổng chiều dài là 260,727 km và 22 kV với tổng chiều dài là 3.694,05 km; đường dây hạ thế với tổng chiều dài là 5.160,73 km (tính đến tháng 6/2016).

Trạm biến áp: Toàn tỉnh có 02 trạm biến áp 220 kV/110 kV được cấp từ lưới điện quốc gia với tổng công suất là 500MVA gồm TBA 220/kV/110kV-(125+250) MVA Krông Búk và TBA 220 kV/110kV-(125+250)MVA Buôn Kuốp; 09 trạm biến áp 110 kV gồm TBA Hòa Bình, Ea Tam, Hòa Thuận, Krông Ana, Krông Ana 2, Ea Kar, Krông Pắc, Cư M'gar, Ea H'leo và 02 máy biến áp 110 kV/22 kV đặt trong trạm 220 kV Krông Búk, với tổng dung lượng 455 MVA; 6 trạm biến áp trung gian 35 kV với 08 máy biến áp với tổng công suất là 45,3 MVA và 4.213 trạm biến áp phân phối với tổng dung lượng là 844.099 kVA.

Đến hết năm 2016: Tỷ lệ thôn, buôn có điện trên toàn tỉnh là 95,5%, tỷ lệ số hộ được dùng điện đạt 97,5%. Mức tiêu thụ điện năng bình quân đầu người đạt 643 kwh/người/năm. Hệ thống lưới điện trên địa bàn tỉnh thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng đảm bảo an toàn, đảm bảo nguồn điện phục vụ đời sống, sản xuất.

8. Hệ thống cấp nước sinh hoạt

Đến cuối năm 2017 toàn tỉnh đã xây dựng được 136 công trình cấp nước tập trung, được đầu tư từ nhiều nguồn vốn và nhiều đơn vị quản lý khai thác sau đầu tư, trong đó: 29 công trình được đánh giá là hoạt động bền vững, chiếm 21,32%; 40 công trình đánh giá là hoạt động trung bình, chiếm 29,41%; 21 công trình hoạt động kém hiệu quả, chiếm 15,44%; 46 công trình ngừng hoạt động, chiếm 33,82% trong số này có 18 công trình hư hỏng nặng chưa được đầu tư sửa chữa để phát huy hiệu quả. Cụ thể, nhà máy nước Buôn Ma Thuột có công suất 57.000 m³/ngày đêm hiện đang cấp nước cho hơn 350.000 người. Tổng công suất thiết kế của 135 công trình cấp nước sinh hoạt còn lại khoảng 75.600 m³/ngày đêm, cấp nước sinh hoạt cho gần 400 nghìn người dân nông thôn. Còn lại các hộ gia đình tự đầu tư xây dựng giếng khoan, giếng đào và bể chứa nước gia đình, tự cấp nước sinh hoạt.

Đối với công tác cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn: Kết quả theo dõi, tổng hợp số liệu các mục tiêu về Nước sạch nông thôn năm 2017 của tỉnh, tính đến hết năm 2017, có 88,5% dân số nông thôn trên địa bàn tỉnh được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, tăng 1,5% so với cuối năm 2016 và đạt kế hoạch

đề ra (Kế hoạch năm 2017 là 88,5% tăng 1,5%). Công trình cấp nước cho đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu là hình thức lấy nước tự chảy bằng đập dâng, hệ thống đường ống dẫn đến bể chứa nước hoặc vòi công cộng, không thu tiền sử dụng nước. Các hệ thống cấp nước vùng đồng bằng cấp đến hộ gia đình có đồng hồ đo nước và thu phí sử dụng nước.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ RỦI RO THIÊN TAI VÀ CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI THƯỜNG GẶP VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Tình hình thiên tai trong những năm gần đây:

Nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, với lượng mưa hàng năm khá lớn từ 1.500÷2.000 mm đã tạo nên dòng chảy của hệ thống sông Sêrêpôk và các chi lưu của sông Ba. Với mật độ sông, suối lớn, địa hình đa dạng, Đắk Lắk là một trong những tỉnh có tiềm năng lớn về thủy lợi, thủy điện, thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội. Tuy nhiên do đặc thù về khí hậu, địa hình, địa lý tự nhiên, Đắk Lắk là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng của rất nhiều loại hình thiên tai khác nhau. Một số loại hình thiên tai chủ yếu thường xuyên xảy ra hàng năm như: Hạn hán, lũ, lũ quét, ngập lụt, mưa lớn, sạt lở đất, lốc, sét, mưa đá. Ngoài ra, còn ảnh hưởng một số thiên tai khác như thời tiết lạnh, gió mạnh, mưa trái mùa, Đặc biệt trong những năm gần đây cùng với sự biến đổi khí hậu toàn cầu, tình hình thiên tai cả nước nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng diễn biến ngày càng phức tạp và nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế của nhân dân trong tỉnh. Theo số liệu tổng hợp giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh trong 12 năm từ (2005 - 2017) là 14.271,384 tỷ đồng, trong đó thiệt hại do lũ lụt là 4.319,769 tỷ đồng (chiếm 30,27%), hạn hán hơn 9.884,491 tỷ đồng (chiếm 69,26%) còn thiệt hại do các loại thiên tai khác là 67,124 tỷ đồng (chiếm 0,47%). Từ các số liệu thống kê trên, cho thấy thiệt hại thiên tai do hạn hán gây ra là hết sức nặng nề, gây ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Bảng tổng hợp tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra từ năm 2005 - 2017 trên địa bàn tỉnh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Hạn hán	Lũ, ngập lụt, lũ quét	Thiên tai khác (Đông, lốc, sét ...)
2005	1.435.128	162.958	2.616
2006	7.788	56.960	155
2007	252.780	737.356	5.253
2008	207.269	108.116	2.082
2009	109.101	521.436	1.841
2010	209.933	134.951	10.842
2011	345.839	28.558	1.448
2012	558.664	95.716	10.542
2013	1.142.479	308.598	9.631
2014	335.327	47.132	3.772
2015	2.113.000	-	2.000

2016	3.167.183	1.050.000	14.042
2017		1.067.988	2.900
Tổng	9.884.491	4.319.769	67.124

Căn cứ vào tần suất xuất hiện, mức độ thiệt hại do các loại hình thiên tai trên địa bàn, có thể sắp xếp mức độ tác động của các nhóm thiên tai như sau:

Tác động mạnh	Tác động vừa	Tác động nhẹ	Tiềm ẩn
Lũ, ngập lụt	Dông sét, lốc xoáy	Sạt lở đất đồi núi	Động đất
Hạn hán	Lũ quét, xói lở bờ sông	Bão	

2. Các loại hình thiên tai thường xảy ra trên địa bàn tỉnh ứng với cấp độ rủi ro trong thời gian qua

2.1. Các loại thiên tai có khả năng ảnh hưởng đến tỉnh Đắk Lắk.

- Ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, bão.
- Mưa lớn, lũ, lũ quét và ngập lụt.
- Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy.
- Lốc, sét và mưa đá.
- Nắng nóng, hạn hán.

2.2. Cấp độ rủi ro thiên tai có khả năng xảy ra đối với các loại thiên tai có nguy cơ ảnh hưởng đến tỉnh Đắk Lắk.

- Đối với ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới và bão: Cấp độ rủi ro là cấp 3.
- Đối với mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét: Cấp độ rủi ro từ cấp 1 đến cấp 3.
- Đối với sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy: Cấp độ rủi ro là cấp 1.
- Đối với lốc, sét và mưa đá: Cấp độ rủi ro là cấp 1.
- Đối với hạn hán, nắng nóng: Cấp độ rủi ro là cấp 1.

(Cấp độ rủi ro thiên tai được quy định tại Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ).

Phần II

KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI GIAI ĐOẠN 2018 -2020

I. QUAN ĐIỂM

1. Công tác phòng, chống thiên tai bao gồm: Phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra, góp phần đảm bảo phát triển sản xuất bền vững, ổn định xã hội, xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an ninh, quốc phòng; công tác phòng, chống thiên tai phải được tiến hành chủ động và thường xuyên.

2. Các địa phương, các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị các lực lượng vũ trang nhân dân và mọi công dân, các tổ chức, cá nhân nước

ngoài sống ở tỉnh Đắk Lắk đều có nghĩa vụ thực hiện việc phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

3. Công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai thực hiện theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, sử dụng hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, đồng thời huy động mọi nguồn lực của cộng đồng, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Nội dung phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải được lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của từng vùng, từng địa phương, từng lĩnh vực.

5. Công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai lấy phòng ngừa là chính, không ngừng nghiên cứu tác động biến đổi của khí hậu và những hiện tượng bất thường khác của khí hậu để phòng, tránh. Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng nhằm phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai của cộng đồng dân cư là biện pháp hiệu quả và thiết thực.

6. Công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải phát huy và kế thừa kinh nghiệm truyền thống, đúc rút các bài học kinh nghiệm, kết hợp với kiến thức, công nghệ hiện đại và tăng cường hợp tác quốc tế. Tăng cường thông tin, tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp phòng, tránh, ứng phó thiên tai kịp thời đến cộng đồng dân cư.

II. NGUYÊN TẮC

1. Bảo đảm thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, và pháp luật của Nhà nước. Tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước và nâng cao trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân đối với công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Nâng cao nhận thức, phổ biến kinh nghiệm trong phòng, chống thiên tai, nhất là ở cấp cơ sở thôn, bản, làng, xã.

Thực hiện nghiêm túc Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai; Nghị định 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 172/2007/QĐ-TT ngày 16/11/2007; Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 03/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2017 - 2020.

2. Kế hoạch phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải được thực hiện đồng bộ, theo giai đoạn và có trọng điểm, vừa có tính cấp bách, vừa có tính lâu dài. Công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải thực hiện theo phương châm “4 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ) và chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả. Công tác khắc phục hậu quả phải kết hợp với khôi phục và nâng cấp, bảo đảm sự phát triển bền vững của từng vùng và từng lĩnh vực.

3. Đầu tư cho công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai là yếu tố quan trọng để đảm bảo phát triển bền vững. Đầu tư xây dựng các công trình phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải kết hợp đồng bộ giữa các giải pháp công trình và

phi công trình, thực hiện lợi dụng tổng hợp, đảm bảo hài hòa với thiên nhiên và cảnh quan môi trường; huy động sự đóng góp của cộng đồng và toàn xã hội để đầu tư cho phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

III. MỤC TIÊU

1. Nâng cao năng lực và khả năng dự báo của Trung tâm dự báo Khí tượng Thủy văn; trọng tâm là dự báo thời gian mưa, bão, áp thấp nhiệt đới và các hiện tượng thời tiết nguy hiểm để các địa phương, đơn vị chủ động xây dựng phương án phòng, tránh, giảm thiệt hại đến mức thấp nhất do thiên tai gây ra.

2. Bảo đảm việc xây dựng các quy hoạch tổng thể, quy chuẩn xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và khu dân cư trong vùng thường xuyên bị thiên tai phù hợp với tiêu chuẩn phòng, chống bão, lũ, thiên tai của từng vùng; gắn kết quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch xây dựng của các ngành với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai để phát triển bền vững.

3. Đảm bảo 100% cán bộ chính quyền địa phương các cấp trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai;

4. Rà soát quy hoạch sử dụng đất đai, bố trí khu dân cư, đô thị, phát triển các cơ sở hạ tầng, dịch vụ phù hợp quy hoạch và đảm bảo an toàn khi xảy ra thiên tai; có kế hoạch di dời các hộ dân nằm trong khu vực rủi ro cao khi xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến chỗ an toàn; kiên quyết xử lý các trường hợp sử dụng đất trái phép, xây dựng nhà cửa, hạ tầng... gây cản trở, ách tắc dòng chảy;

5. Hàng năm rà soát, đánh giá khả năng hợp đồng tác chiến giữa các lực lượng tham gia cứu hộ và tìm kiếm cứu nạn để chủ động ứng phó khi có tình huống cấp bách xảy ra;

6. Bảo đảm an toàn cho các hồ chứa, đặc biệt là các hồ chứa nước lớn, các hồ chứa có khu dân cư đông đúc hoặc cơ sở chính trị, kinh tế, văn hóa, công trình quốc phòng, an ninh quan trọng ở hạ du.

IV. NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Các biện pháp phòng chống thiên tai ứng với loại hình thiên tai phổ biến trên địa bàn tỉnh.

1.1 Đối với ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới (ATNĐ).

Trước đây, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão. Tuy nhiên trong những năm gần đây khi có bão mạnh đổ bộ vào các tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, một số vùng khu vực phía Đông, Đông Bắc tỉnh Đắk Lắk bị ảnh hưởng trực tiếp của gió bão (bão lớn vào năm 2009; cơn bão số 12 năm 2017) làm tốc mái, sập nhà và đổ, gãy nhiều diện tích cây trồng. Trọng điểm ảnh hưởng gồm các huyện: M'Đrăk, Krông Năng, Ea Kar....

*** Nhiệm vụ và giải pháp:**

- Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh thông báo kịp thời cho UBND cấp huyện vùng dự báo chịu ảnh hưởng bão các bản tin của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh dự báo về tình hình bão và ban hành công điện chỉ đạo, điều hành phòng, chống bão trên các phương tiện thông tin đại chúng; phối

hợp với các sở, ngành cùng với địa phương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành lực lượng ứng cứu (khi cần thiết).

- UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) chỉ đạo các phòng, ban, UBND cấp xã phối hợp với lực lượng làm công tác cứu hộ, cứu nạn tại địa phương giúp nhân dân chằng chống nhà cửa, khuyến cáo nhân dân khẩn trương thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, thủy sản tại địa phương nhằm hạn chế thiệt hại do bão, lũ gây ra.

- Khi có ảnh hưởng gió bão mạnh, chính quyền địa phương (cấp cơ sở) chủ động triển khai phương án chống bão đã xây dựng và được phê duyệt.

1.2. Đối với mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét:

a) *Mức độ rủi ro cấp độ 1:*

Mưa lớn trong 24 giờ từ 100 mm đến 200 mm kéo dài từ 1 đến 2 ngày gây ngập cục bộ một số vùng trũng, vùng ven sông tại các huyện: Lắc, Krông Ana, Cư Kuin, Krông Bông, Krông Pắc, Ea Súp và Ea Kar.

* Nhiệm vụ và giải pháp:

- Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo UBND các cấp, các chủ quản lý công trình thủy lợi, thủy điện tổ chức tuần tra, thực hiện phương án bảo vệ các hồ đập xung yếu, đối phó với lũ, lụt theo phương châm 4 tại chỗ để xử lý sớm các sự cố công trình (nếu có).

- Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các địa phương vùng ảnh hưởng triển khai phương án phòng, chống ngập lụt; đồng thời khuyến cáo nhân dân thu hoạch gấp sản phẩm nông nghiệp, thủy sản để phòng thiệt hại do ngập lụt.

- Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi sát diễn biến mưa, lũ, tình hình ngập lụt, thông báo thường xuyên cho nhân dân vùng bị ảnh hưởng chủ động thực hiện các biện pháp ứng phó, chuẩn bị di chuyển người, tài sản đến nơi an toàn; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh trật tự, thông tin liên lạc; kiểm tra, rà soát, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng phòng, chống lụt bão để triển khai phương án sơ tán nhân dân đến nơi an toàn.

b) *Mức độ rủi ro cấp độ 2:*

Mưa lớn trong 24 giờ từ 100 mm đến 200 mm kéo dài từ 2 đến 4 ngày hoặc mưa lớn trong 24 giờ từ 200 mm đến 500 mm kéo dài từ 1 đến 2 ngày. Lũ trên các sông suối phổ biến đạt báo động III và trên báo động III gây lũ lớn và ngập lụt nhiều vùng trong tỉnh. Quốc lộ 27 bị ngập (do nước sông Krông Ana dâng cao) đoạn qua thôn Giang Sơn, xã Hòa Hiệp, huyện Cư Kuin, Buôn Biếp, huyện Lắc, sạt lở một số vị trí đoạn đèo huyện Lắc; Quốc lộ 26 bị ngập tại km 39 xã Ea Phê; Tỉnh lộ 1 bị ngập ở khu vực gần thị trấn Ea Súp; địa bàn các huyện: Lắc, Krông Ana, Krông Bông, Buôn Đôn, Cư Kuin, Ea Súp có một số vùng trũng bị ngập và bị chia cắt.

* Nhiệm vụ và giải pháp:

- Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo Sở Giao thông Vận tải phối hợp với địa phương vùng ngập tăng

cường ca nô, dầm cầu, máy xúc, máy ủi tại các địa phương xử lý sự cố ngập và sạt lở đảm bảo giao thông thông suốt; thực hiện phân công nhiệm vụ, các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh đến địa bàn phụ trách để phối hợp UBND các huyện chỉ đạo công tác ứng phó, tuần tra, trực canh gác các hồ đập 24/24 điều tiết đảm bảo an toàn công trình cũng như góp phần cắt lũ đảm bảo giảm thiểu ngập lụt, thiệt hại ở khu vực hạ lưu; kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng; đối phó với lũ, lụt theo phương châm 4 tại chỗ để xử lý sớm các sự cố cấp bách.

- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh, Sở Giao thông Vận tải điều động lực lượng, tập kết trang thiết bị cứu hộ cứu nạn đến khu vực dự kiến ảnh hưởng nặng để ứng phó kịp thời, thực hiện các biện pháp, hướng dẫn, phân luồng đảm bảo an toàn các hoạt động giao thông triển khai lực lượng ứng trực tại các bến đò ngang và các địa bàn xung yếu.

- Sở Công Thương phối hợp với Sở Giao thông Vận tải và chính quyền địa phương vận chuyển hàng nhu yếu phẩm từ khu vực dự trữ đến với nhân dân vùng bị chia cắt do ngập lụt.

- Sở Y tế chuẩn bị hóa chất, thuốc chữa bệnh phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân vùng lũ, lụt. Cứu chữa người bị thương, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng.

- Đài Khí tượng Thủy văn, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phối hợp thông báo các bản tin dự báo, cảnh báo lũ trên các sông và nội dung công tác chỉ đạo chống lũ, lụt của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

- Tập trung tổ chức sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp.

- Khuyến cáo nhân dân khẩn trương thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, thủy sản trong vùng dự báo ảnh hưởng lũ, ngập lụt.

c) Mức độ rủi ro cấp độ 3:

Mưa lớn trong 24 giờ từ 200 mm đến 500 mm kéo dài từ 2 đến 4 ngày hoặc mưa lớn trong 24 giờ từ 500 mm đến 700 mm kéo dài từ 1 đến 2 ngày. Lũ trên các sông suối phổ biến đạt trên báo động III gây lũ lớn và ngập lụt hầu hết các lưu vực sông trong tỉnh. Các tuyến Quốc lộ 26, 27 đều bị ngập (do nước sông Krông Na, sông Krông Pắc dâng cao) tại một số vị trí như đoạn qua thôn Giang Sơn, xã Hòa Hiệp, huyện Cư Kuin; đoạn qua Buôn Biăp, xã Đăk Nuê, huyện Lắk; đoạn qua xã Krông Búk, xã Ea Phê huyện Krông Pắc; sạt lở một số vị trí đoạn đèo huyện Lắk (Quốc lộ 27); Tỉnh lộ 1 bị ngập ở khu vực gần thị trấn Ea Súp; địa bàn các huyện: Lắk, Krông Ana, Krông Bông, Buôn Đôn, Cư Kuin, Ea Súp nhiều tuyến đường và nhiều khu dân cư bị ngập sâu, địa bàn các thôn, xã bị chia cắt.

** Nhiệm vụ và giải pháp:*

- Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tham mưu UBND tỉnh huy động lực lượng vũ trang trên địa bàn sẵn sàng làm nhiệm vụ ứng phó (sơ tán dân, cứu hộ những vùng bị ngập, bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông ...), chỉ đạo Sở Giao thông Vận tải phối hợp với địa phương vùng ngập

tăng cường ca nô, dầm cầu, máy xúc, máy ủi tại các địa phương xử lý sự cố ngập và sạt lở đảm bảo giao thông thông suốt; các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh đến địa bàn được phân công phụ trách thực hiện nhiệm vụ để phối hợp UBND các huyện chỉ đạo công tác ứng phó, tuần tra, trực canh gác các hồ đập 24/24 điều tiết đảm bảo an toàn công trình cũng như góp phần cắt lũ đảm bảo giảm thiểu ngập lụt, thiệt hại ở khu vực hạ lưu; kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng; đối phó với lũ, lụt theo phương châm 4 tại chỗ để xử lý sớm các sự cố cấp bách.

- Điều động lực lượng, trang thiết bị cứu hộ cứu nạn từ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giao thông Vận tải tập kết đến khu vực dự kiến ảnh hưởng nặng để ứng phó kịp thời thực hiện tổ chức sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không đảm bảo an toàn; tập trung triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp; triển khai các biện pháp, hướng dẫn, phân luồng đảm bảo an toàn các hoạt động giao thông triển khai lực lượng ứng trực tại các bến đò ngang và các địa bàn xung yếu.

- Sở Công Thương phối hợp với Sở Giao thông Vận tải và chính quyền địa phương vận chuyển hàng nhu yếu phẩm từ khu vực dự trữ đến với nhân dân vùng bị chia cắt do ngập lụt và các địa điểm tập kết người sơ tán tránh lũ, lụt.

- Sở Y tế chuẩn bị hóa chất, thuốc chữa bệnh phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân vùng lũ, lụt. Cứu chữa người bị thương, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng.

- Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phối hợp thông báo các bản tin dự báo, cảnh báo lũ trên các sông và nội dung công tác chỉ đạo chống lũ, lụt của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

- Khuyến cáo nhân dân khẩn trương thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, thủy sản trong vùng dự báo ảnh hưởng lũ, ngập lụt.

1.3. Đối với sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy.

Sạt lở đất, sụt lún đất thường xảy ra khi có mưa lớn với các vùng địa hình sườn dốc có thảm phủ nghèo hoặc khi có sự cố vỡ đập. Với hiện tượng sạt lở đất, sụt lún đất thì chủ yếu công tác phòng ngừa kịp thời mới đem lại hiệu quả cao. Trên địa bàn tỉnh sạt lở đất, sụt lún đất thường xảy ra ở các huyện: Krông Năng, Cư M'gar, M'Drăk, Lắk, Krông Bông, Ea H'Leo, Krông Búk và Buôn Đôn.

* Nhiệm vụ và giải pháp:

- Tổ chức thực hiện các biện pháp tuyên truyền, phổ biến qua các bản tin dự báo, cảnh cáo kịp thời để chủ động phòng, tránh.

- Khẩn trương tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với sạt lở đất, sụt lún đất, chỉ đạo địa phương vùng ảnh hưởng tăng cường phương châm 4 tại chỗ, tập trung huy động mọi nguồn lực để ứng cứu và khắc phục hậu quả, thực hiện vệ sinh môi trường, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội vùng xảy ra lũ quét và sạt lở đất.

1.4. Đối với lốc, sét, mưa đá.

Đây là loại hình thiên tai xảy ra trên diện hẹp, có mức độ nguy hiểm cao, đặc biệt về tính mạng của con người và khó dự báo sớm. Cấp độ rủi ro thiên tai là cấp

1. Hàng năm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk chịu ảnh hưởng thường xuyên của lốc, sét, mưa đá. Trọng điểm ảnh hưởng gồm các huyện Ea Súp, Buôn Đôn, Krông Búk, M'Drăk, Krông Năng, Ea Kar....

*** Nhiệm vụ và giải pháp:**

- Tổ chức thực hiện các biện pháp tuyên truyền, phổ biến qua các bản tin dự báo, cảnh cáo kịp thời để chủ động phòng, tránh.

- Khẩn trương tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với lốc, sét, mưa đá, chỉ đạo địa phương vùng ảnh hưởng tăng cường phương châm 4 tại chỗ, tập trung huy động mọi nguồn lực để ứng cứu và khắc phục hậu quả, thực hiện vệ sinh môi trường, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội vùng xảy ra lốc, sét, mưa đá. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các địa phương phối hợp với UBND các cấp chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể các phường, xã, thôn, buôn giúp đỡ những gia đình bị nạn sửa chữa, lắp dựng lại nhà cửa; chủ động trích nguồn kinh phí hỗ trợ các gia đình bị thiệt hại nặng; đồng thời, hướng dẫn kiểm tra thiệt hại, lập văn bản kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả, ổn định đời sống nhân dân.

1.5. Đối với nắng nóng, hạn hán.

Đây là loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là những năm gần đây, đã gây thiệt hại rất lớn đến đời sống của nhân dân. Để chủ động đối phó với tình hình hạn hán có thể xảy ra, đảm bảo đủ nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp của nhân dân cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Theo dõi chặt chẽ thông tin, diễn biến thời tiết, nguồn nước, nhất là thông tin dự báo về mưa, dòng chảy, thường xuyên tổ chức kiểm đếm cụ thể nguồn nước trữ tại các hồ chứa, sông, suối;

- Tổ chức nạo vét hệ thống kênh mương, cửa vào các cống lấy nước, trạm bơm tưới, ao, giếng, khơi thông dòng chảy, lắp đặt trạm bơm dã chiến, phương tiện lấy nước để chủ động vận hành, đảm bảo đủ điều kiện dẫn nước thông thoáng từ đầu mối tới mặt ruộng, tận dụng mọi nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt;

- Quản lý chặt chẽ nguồn nước, chống rò rỉ, thất thoát; sử dụng nguồn nước tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường sử dụng các biện pháp tưới luân phiên, tiên tiến, tiết kiệm nước cho lúa và các cây trồng cạn có giá trị kinh tế cao;

- Đề xuất kế hoạch điều tiết các hồ chứa thủy điện để cung cấp nước cho vùng hạ du trong các thời kỳ khô hạn, bảo đảm đủ nước phục vụ sinh hoạt, nông nghiệp; với các hồ chứa thủy điện đang có dung tích trữ thấp, đề nghị không phát điện theo thị trường cạnh tranh, ưu tiên phục vụ dân sinh và sản xuất nông nghiệp;

- Trên cơ sở khả năng cân đối nguồn nước, bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý; các vùng thường xuyên thiếu nước tưới, xem xét chuyển đổi sang cây trồng cạn sử dụng ít nước tưới hơn hoặc không canh tác để tránh thiệt hại do hạn hán, thiếu nước gây ra;

- Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để vận động, hướng dẫn nhân dân sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, thực hiện tốt công tác phòng, chống hạn hán. Biểu dương, khuyến khích những địa phương, chính quyền cơ sở đã chủ động và có những sáng kiến chống hạn mang lại hiệu quả cao.

2. Biện pháp phòng chống thiên tai

2.1. Giải pháp phi công trình:

a) Rà soát, điều chỉnh và bổ sung các quy hoạch phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 17/6/2009 và quy hoạch phát triển của các ngành, gắn với mục tiêu, nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu (BĐKH), như: Quy hoạch hệ thống thủy lợi, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch dân cư vùng có nguy cơ lũ quét và sạt lở đất ở các huyện miền núi, vùng có nguy cơ sạt lở ven sông, ven suối...bố trí cơ cấu sản xuất, mùa vụ, nhằm né tránh và từng bước thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

b) Tiếp tục triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của tỉnh Đắk Lắk ban hành tại Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 30/3/2009.

c) Triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn từ 2017-2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3379/QĐ-UBND ngày 18/12/2015, cụ thể như sau:

- Nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền địa phương về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng:

- + Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho đội ngũ giảng viên, tập huấn viên cấp huyện, cấp xã gồm 30 lớp/600 học viên

- + Trang bị các dụng cụ cần thiết phục vụ cho giảng dạy, tập huấn tại cộng đồng và công cụ phục vụ phòng, chống thiên tai tại 110 xã.

- + Cải tạo, xây dựng mới trụ sở cơ quan phòng, chống thiên tai cấp tỉnh.

- Tăng cường truyền thông giáo dục và nâng cao năng lực cộng đồng về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng (QLRRTT DVCĐ).

- + Thành lập các Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cấp xã triển khai thực hiện Đề án tại 110 xã.

- + Tổ chức hoạt động Đánh giá rủi ro thiên tai (RRTT) dựa vào cộng đồng tại các xã ưu tiên thực hiện Đề án từ đó xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai (110 xã).

- + Tổ chức triển khai kế hoạch diễn tập phòng, chống thiên tai (PCTT) và huy động sự tham gia cộng đồng (30 cuộc diễn tập)

- + Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, truyền thông về thiên tai, quản lý rủi ro thiên tai, QLRRTT DVCĐ (tại 15 huyện, thị xã, thành phố và 110 xã)

- Củng cố bộ máy điều hành Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp

- + Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp,

- + Củng cố đội ngũ làm công tác Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp; Có kế hoạch đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai (ít nhất 02 lớp/năm, 150 người/lớp).

- + Thành lập các tổ, đội xung kích Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp để chủ động triển khai hoạt động phòng ngừa, ứng phó. Chú ý xây dựng tổ, đội thanh niên xung kích ở tổ dân phố, thôn buôn, khóm phố và của các

doanh nghiệp (01 tổ, đội/tổ dân phố, thôn buôn, khối phố, cơ quan; 15 - 20 người/tổ, đội) .

+ Tập huấn về kỹ năng điều kiện phương tiện tìm kiếm cứu nạn, sử dụng trang thiết bị, sơ cấp cứu để nâng cao năng lực tìm kiếm cứu nạn (35 lượt người/năm).

- Thành lập các tổ, đội xung kích tìm kiếm cứu nạn để đưa vào hoạt động trong mùa lũ, bão, mỗi xã, phường, thị trấn thành lập 1 - 2 trung đội dân quân cơ động (hoặc dân quân tại chỗ); mỗi huyện, thị xã, thành phố tổ chức 1 - 2 đại đội dự bị động viên;

d) Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và thông tin liên lạc

- Đầu tư xây dựng một số trạm cảnh báo lũ đầu nguồn và cảnh báo nước dâng ven sông, suối; hỗ trợ trang bị nâng cấp các trạm thủy văn hiện có, tăng cường chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu dự báo, cảnh báo các loại hình thời tiết: mưa, lũ, hạn hán ...

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo thông suốt trong mọi tình huống. Đầu tư trang bị hệ thống thông tin liên lạc sóng ngắn từ tỉnh đến các huyện trọng điểm, vùng trọng điểm. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về các hình thái thiên tai và biện pháp phòng, chống để cộng đồng có ý thức phòng, tránh.

e) Phát triển khoa học công nghệ về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

- Tổ chức củng cố, nâng cao năng lực và chất lượng hệ thống dự báo, cảnh báo, hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ huy, điều hành. Tổ chức tốt công tác thường trực Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn ở các cấp, các ngành; nắm chắc diễn biến thời tiết, thiên tai kịp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp quyết định các biện pháp ứng phó kịp thời; chú trọng các hình thức thông tin liên lạc có hiệu quả, nhất là ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa.

- Khuyến khích áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, thông tin liên lạc; khuyến khích ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới trong lĩnh vực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

f) Xây dựng cơ sở dữ liệu, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai:

- Hàng năm, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp rà soát lập kế hoạch di dời, sơ tán dân ở những vùng ngập sâu, ở những khu vực sạt lở bờ sông, bờ suối cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;

- Xây dựng các bản đồ ngập lụt, lắp đặt biển cảnh báo ở các vùng thường xuyên bị ngập lụt trên các lưu vực sông Krông Nô, Krông Ana, Sêrêpôk, Ea H'leo, Krông H' năng, các suối Ea Súp, Krông Păk, Krông Búk ...;

- Xây dựng, cập nhật bổ sung bản đồ cảnh báo hạn hán;

- Lập kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ cho phù hợp với tình hình thiên tai tại địa phương;

- Rà soát, bổ sung kế hoạch trồng rừng phòng hộ đầu nguồn, ven sông, suối;

- Cải thiện hệ thống thông tin quản lý rủi ro thiên tai lưu vực sông, trước mắt QLRRTT lưu vực sông Sêrêpôk;

- Mở rộng hệ thống trạm đo mưa chuyên dùng, cảnh báo sớm lũ, ngập lụt tại cộng đồng;

2.2. Giải pháp công trình:

a) Đối với hệ thống đê điều

Tập trung đầu tư xây dựng mới hệ thống đê bao 03 xã Đăk Liêng, Buôn Tría, Buôn Triết, huyện Lăk. Thực hiện các chương trình cứng hóa mặt đê, đối với những tuyến đê chưa được cứng hóa cần trồng cỏ chống xói mòn, chú trọng nâng cao chất lượng, chống xuống cấp đê, tiến tới xoá dần các vị trí xung yếu.

b) Đối với hệ thống hồ chứa nước, kênh mương, cấp nước sinh hoạt.

- Rà soát, đánh giá thực trạng toàn bộ các hồ chứa, tổ chức kiểm định đập, đánh giá lại khả năng xả lũ của hồ chứa có xét đến BĐKH và phù hợp với tiêu chuẩn hiện hành, từng bước nâng mức đảm bảo theo chuẩn mực quốc tế cho các hồ chứa lớn.

- Tăng cường đảm bảo an toàn cho các hồ chứa nước và vùng hạ du, đặc biệt đối với các hồ chứa nước lớn, hồ chứa có hạ du là khu dân cư tập trung hoặc cơ sở chính trị, kinh tế, văn hóa, công trình quan trọng Quốc gia.

- Đầu tư lắp đặt các thiết bị giám sát, theo dõi, dự báo mưa, lũ cho các hồ chứa lớn. Tổ chức vận hành điều tiết các hồ chứa nước theo thời gian thực, tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn cho vùng hạ lưu khi xả lũ và trong trường hợp xảy ra sự cố vỡ đập.

- Xây dựng hệ thống tràn xả lũ sâu cho các hồ chứa nước có dung tích trên 5.000.000 m³ nhằm chủ động điều tiết đảm bảo an toàn.

- Quản lý chặt chẽ công tác về an toàn đập từ quy hoạch, khảo sát, thiết kế, xây dựng và quản lý vận hành. Việc xây dựng mới, nâng cấp các hồ chứa phải tính đến các giải pháp đồng bộ, thuận tiện trong quản lý, sửa chữa và ứng phó khi thiên tai xảy ra.

- Hoàn thành hồ chứa nước Krông Pắc thượng để tham gia điều tiết lũ và giảm lũ cho vùng hạ du. Đầu tư xây dựng mới các hồ chứa nước Ea M'roh, huyện Cư M'gar, hồ chứa nước Ea H'leo, huyện Ea H'leo, hồ Yên Ngựa, huyện Cư Kuin, hồ Ea Tam, TP Buôn Ma Thuột, hồ Buôn Biếp, huyện Lăk ...

- Tiếp tục thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 về việc phê duyệt Đề án kiên cố hóa kênh mương trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk giai đoạn 2016 - 2020.

c) Nâng cao khả năng phòng, chống thiên tai

- Rà soát, đánh giá tổng thể tình hình sạt lở bờ sông, bờ suối trên tất cả các lưu vực từ đó đưa ra các giải pháp tổng thể kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình; giải pháp xây dựng công trình bảo vệ gắn với việc di dân đảm bảo hiệu quả về kinh tế, xã hội và an toàn.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng khu vực thường bị ngập lụt để nâng cao năng lực phòng tránh thiên tai của cộng đồng; tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân sống thích nghi và chủ động ứng phó với thiên tai.

- Triển khai thực hiện các giải pháp, lồng ghép các chương trình, dự án nâng cao chất lượng thảm phủ rừng đầu nguồn với mục tiêu nâng cao khả năng điều tiết

nước của các lưu vực sinh thủy các sông lớn, lưu vực các hồ chứa nước làm chậm lũ, nhằm giảm thiểu và hạn chế lũ quét, lũ ống, đặc biệt đối với các địa phương vùng núi, vùng trũng thấp.

- Xây dựng kế hoạch quản lý lũ tổng hợp cho lưu vực sông Sêrêpôk; xây dựng quy hoạch quản lý rủi ro thiên tai cho từng vùng, từng địa phương; xây dựng lộ trình thực hiện và theo dõi, kiểm tra, giám sát qua bộ chỉ số đánh giá.

- Triển khai chương trình kiên cố hóa trường lớp để đảm bảo an toàn dạy học và phục vụ tránh trú mưa, lũ cho nhân dân địa phương.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng các khu tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng thiên tai theo kế hoạch được phê duyệt.

- Đối với hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh: Tiếp tục củng cố, khôi phục, nâng cấp các công trình giao thông đường bộ hiện có, hoàn chỉnh mạng lưới, xây dựng một số công trình có yêu cầu cấp thiết, nhất là những vùng thường xuyên bị chia cắt do ảnh hưởng của thiên tai.

d) Nâng cao năng lực cứu hộ, cứu nạn

- Nâng cao năng lực cứu hộ, cứu nạn cho các lực lượng cứu hộ, cứu nạn; thường xuyên tổ chức diễn tập phương án phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đối với các ngành, các địa phương.

- Nâng cao khả năng bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt trong mùa lũ; khả năng ứng cứu tại chỗ cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng; đặc biệt là vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, các phương tiện hoạt động trên sông, trên suối.

3. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp các cơ quan trong ứng phó với cấp độ rủi ro thiên tai

3.1. Thiên tai cấp độ 1:

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan phòng, chống thiên tai cấp trên.

- Chủ tịch UBND cấp xã được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- + Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;

- + Vật tư dự trữ do nhân dân chuẩn bị, vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và tổ chức, cá nhân trên địa bàn;

- Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn cấp xã phải phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch UBND cấp xã hoặc người được ủy quyền.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị UBND, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện hỗ trợ.

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ 2 xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch UBND

cấp xã; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng, chống thiên tai cấp trên.

- Chủ tịch UBND cấp huyện được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

+ Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;

+ Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp huyện và tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

3.2. Thiên tai cấp độ 2

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn.

- Chủ tịch UBND cấp tỉnh được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

+ Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân; lực lượng tìm kiếm cứu nạn, lực lượng vũ trang địa phương và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;

+ Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp tỉnh; vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai của tỉnh và của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên, hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của tỉnh, Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

3.3. Thiên tai cấp độ 3

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chịu trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền, triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, xã thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 3, Điều 8 Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ, phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

- Trường hợp thiên tai xảy ra ở mức độ vượt quá cấp độ 3 hoặc có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng báo cáo khẩn trương về Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ.

3.4. Thiên tai cấp độ 4

- Tuân thủ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn;

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn;

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, xã thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 3, Điều 8 Nghị định số 66/2014/NĐ-CP của Chính phủ, phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên ;

3.5. Thiên tai cấp độ 5

Khi xảy ra thiên tai cấp độ 5 việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

4. Xác định phương pháp, cách thức lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội

- Nhiệm vụ phòng, chống thiên tai phải được lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội. Căn cứ vào loại hình rủi ro do thiên tai, phân vùng rủi ro thiên tai ứng với mỗi loại hình và cấp độ rủi ro thiên tai của ngành và địa phương để lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai. Ưu tiên các công trình đa mục tiêu, kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, hướng tới phát triển bền vững và đối tượng dễ bị tổn thương trong lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai. Huy động các nguồn vốn cho công tác phòng, chống thiên tai được lồng ghép, cân đối trong quá trình lập đề cương, nhiệm vụ quy hoạch, trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển của tỉnh.

- Quy trình thực hiện lồng ghép gồm: Rà soát đánh giá việc thực hiện nội dung phòng, chống thiên tai trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch của địa phương; phân tích tình trạng và khả năng chống chịu thiên tai của các đối tượng dễ bị tổn thương trong tương lai về kinh tế, xã hội và môi trường; xác định các nguyên nhân, gồm cả nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến thiệt hại của từng lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường để có các giải pháp phòng, chống thiên tai cho phù hợp với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra và giám sát, đánh giá việc thực hiện lồng ghép.

- Căn cứ các nguồn vốn được giao trong kế hoạch trung hạn và hằng năm để thực hiện nội dung lồng ghép phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội gồm: Vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước, vốn đầu tư của ngân sách Trung ương, vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương, vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương, vốn đầu tư nguồn trái phiếu Chính phủ; quỹ Phòng, chống thiên tai, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, nguồn kinh phí chi thường xuyên cho công tác lập kế hoạch, điều chỉnh quy hoạch

và xây dựng kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm ưu tiên vốn đầu tư trong kế hoạch hằng năm và trung hạn để xây dựng các công trình phòng, chống thiên tai phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, trên cơ sở tuân thủ theo nguyên tắc sau.

+ Đối với nguồn vốn ODA không hoàn lại, ưu tiên cho các lĩnh vực: Hoàn thiện thể chế, chính sách, đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý; chính sách hợp tác công - tư; dự án nâng cao năng lực quản lý, điều hành công tác phòng, chống thiên tai cho cán bộ quản lý các cấp, nhất là cấp xã.

+ Đối với nguồn vốn vay ODA, ưu tiên xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống phòng, chống thiên tai: Các dự án nâng cấp các hồ chứa nước; dự án xây dựng, củng cố hệ thống đê sông; xây dựng hệ thống quan trắc dự báo, cảnh báo mưa, lũ; các dự án thủy lợi chống sạt lở bờ sông, bờ suối thích ứng với BĐKH, chống ngập úng cho các địa phương, các khu công nghiệp và khu dân cư tập trung thường bị ngập sâu, dài ngày; các dự án xây dựng hệ thống tiêu thoát lũ;

+ Ưu tiên nguồn vốn ngân sách hàng năm cho việc tăng cường năng lực quản lý, thực hiện các dự án xây dựng mới, nâng cấp, tu bổ các công trình, các dự án quy hoạch, các dự án tăng cường trang thiết bị dự báo, cảnh báo, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả và phục hồi sản xuất.

+ Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia vào việc cung cấp tài chính cho sự nghiệp phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, tiến hành các hoạt động nhân đạo và từ thiện đối với vùng bị thiệt hại do thiên tai. Nghiên cứu xây dựng quỹ tự lực tài chính, quỹ bảo hiểm về thiên tai.

5. Nguồn lực thực hiện :

- Ngân sách Nhà nước.
- Quỹ Phòng, chống thiên tai.
- Nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân.

(Danh mục các chương trình, dự án đầu tư thuộc lĩnh vực phòng, chống thiên tai giai đoạn 2018 -2020 có phụ lục kèm theo).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh)*

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương tổ chức thực hiện Chương trình kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Kế hoạch này. Đồng thời, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị được giao quản lý, khai thác, vận hành các hồ, đập thủy điện, thủy lợi tập trung kiểm tra, rà soát các khu vực trọng điểm, vị trí xung yếu, phát hiện và xử lý, khắc phục kịp thời các tồn tại về hồ, đập, đê sông, kè, cống, công trình phụ trợ và hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phòng, chống bão, lụt. Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hằng năm, báo cáo UBND tỉnh; xem xét các đề xuất của các đơn vị về điều chỉnh điều chỉnh Kế hoạch này *(nếu có)*, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung kế hoạch cho phù hợp.

2. Các sở, ngành liên quan

2.1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Chủ trì phối hợp với các đơn vị lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; phương án ứng phó với các loại hình thiên tai để tham gia ứng phó khắc phục hậu quả thiên tai, sẵn sàng ứng phó với các tình huống thiên tai có thể xảy ra. Hỗ trợ các địa phương, đơn vị trong công tác tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; đặc biệt là xây dựng lực lượng tại chỗ, trang bị phương tiện, thiết bị, công cụ, hướng dẫn kỹ năng để ứng phó cứu nạn, cứu hộ kịp thời, hiệu quả các tình huống thiên tai.

Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tổ chức tập kết, quản lý sử dụng các phương tiện, trang thiết bị để tham gia kịp thời, có hiệu quả công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra thiên tai; đặc biệt tại các khu vực xung yếu (ven sông, ven suối, vùng trũng thấp, vùng dân cư đông đúc ...). Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn theo sự phân công của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

2.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư để thực hiện Kế hoạch; tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia của Nhà nước và tư nhân; trong quá trình triển khai các chương trình dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh cần lồng ghép nội dung liên quan đến công tác ứng phó và giảm nhẹ thiên tai.

2.3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách huy động nguồn lực xã hội cho kế hoạch; phối hợp với sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư để thực hiện.

2.4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan trong việc Quy hoạch, quản lý quy hoạch khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước vùng thượng lưu các công trình thủy lợi nhằm đảm bảo an toàn, bền vững các công trình thủy lợi. Phối hợp tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong dự báo, cảnh báo các loại hình thiên tai đảm bảo nhanh, chính xác, giúp các địa phương, đơn vị triển khai có hiệu quả các phương án phòng, ngừa thiên tai.

2.5. Sở Giao thông Vận tải: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong thực hiện quy hoạch, đầu tư công trình phòng, chống thiên tai và các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển xây dựng các công trình phòng, chống thiên tai kết hợp với phát triển giao thông vận tải, đặc biệt là giao thông nông thôn, phục vụ xây dựng nông thôn mới và cải thiện môi trường nông thôn; hệ thống giao thông tránh, vượt lũ và cứu hộ, cứu nạn; hệ thống giao thông ứng cứu các công trình trọng điểm phòng, chống thiên tai của tỉnh.

2.6. Sở Thông tin và Truyền thông: Xây dựng chương trình truyền thông, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách tái cơ cấu.

2.7. Các sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện triển khai kế hoạch này đạt hiệu quả cao.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch, kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng lực cộng đồng phòng ngừa thiên tai. Vận động, tiếp nhận, phân phối và quản lý, sử dụng các nguồn cứu trợ đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả do thiên tai.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Phối hợp với các sở, ngành và đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này. Tổ chức xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai cấp huyện, rà soát, điều chỉnh kế hoạch phòng, chống thiên tai hàng năm cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và sát với thực tế tại địa phương theo đúng quy định tại Mục 3, Điều 15, Luật Phòng, chống thiên tai; đảm bảo kế hoạch có tính khả thi cao; hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã theo đúng quy định tại Mục 2, Điều 15 Luật phòng, chống thiên tai để tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cấp, các ngành, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp. *llh*

Nơi nhận

- Ủy ban Quốc gia TKCN;
- Ban Chỉ đạo PCTT Trung ương;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- VPTT Ban Chỉ đạo PCTT Trung ương;
- Tổng cục PCTT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các Doanh nghiệp liên quan;
- Văn phòng TT BCH PCTT & TKCN tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các Phòng: TH, KT, HCTC;
- Trung tâm TTCB;
- Lưu: VT, NNMT ^(Th b).

100

(B/cáo)

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

(Kèm theo Kế hoạch số 421 /KH-UBND ngày 17 /01/2018 của UBND tỉnh)

ĐVT: 1.000.000 đồng

TT	Tên chương trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn (2016-2020)	Ghi chú
A	GIẢI PHÁP PHI CÔNG TRÌNH	55.102	55.102	
1	Nâng cao năng lực cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dự vào cộng đồng	46.550	46.550	
2	Quy hoạch chi tiết hệ thống thủy lợi đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	5.552	5.552	
3	Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch Phân vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh	3.000	3.000	
4	Nâng cao năng lực, trang thiết bị nhằm hỗ trợ, cảnh báo, chỉ đạo trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh	6.000	6.000	
B	GIẢI PHÁP CÔNG TRÌNH	5.447.872	2.363.433	
I	Nguồn vốn trong nước	4.093.022	1.085.583	
1	Xây dựng một số hồ chứa thủy lợi bị hư hỏng, xuống cấp	1.035.157	360.000	
2	Xây dựng hệ thống đường cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn tỉnh	718.780	215.634	
3	Xây dựng hệ thống xử lý sạt lở bờ sông, bờ suối	1.524.334	117.509	
4	Đầu tư các dự án di dời dân cư khẩn cấp phòng chống lũ ống, lũ quét, sạt lở đất	129.871	50.000	
5	Đầu tư, nâng cấp một số hệ thống kênh mương trên địa bàn tỉnh	684.880	342.440	

TT	Tên chương trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn (2016-2020)	Ghi chú
II	NGUỒN VỐN ODA	1.354.850	1.277.850	
1	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên tỉnh Đắk Lắk	350.000	273.000	
2	Nâng cao hiệu quả sử dụng nước tại các tỉnh bị hạn hán	553.450	553.450	
3	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ đập, tỉnh Đắk Lắk	451.400	451.400	
	TỔNG CỘNG	5.502.974	2.418.535	